

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 77/2021/HSST
Ngày 26/10/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-HS ngày 12/10/2021, đối với bị cáo;

Lê Ngọc Th, sinh năm 1983; Nơi sinh, cư trú: Thôn 4, xã G, huyện X, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Ngọc L sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Ch sinh năm 1958; có vợ: Lê Thị M, sinh năm 1984; con: Có hai con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 21/6/2021; Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

Anh Nguyễn Viết S- SN 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 5, xã G, huyện X, tỉnh H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đặng Văn Ng - SN 1991 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện X, tỉnh H

Người làm chứng:

1. Anh Mai Văn V - SN 1994 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã G, huyện X, tỉnh H.

2. Anh Phùng Văn Q - SN 1991 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện X, tỉnh H.

3. Anh Mai Công H sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường H, thị xã S, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do tính chất công việc, thường xuyên đi lại giữa các tỉnh Nghệ an, Thanh Hóa, Ninh Bình nên ngày 27/3/2021 Lê Ngọc Th sinh năm 1983 ở thôn 4, xã G, huyện X, tỉnh H thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu KIA Forte, màu bạc BKS 36A-524.31 của anh Nguyễn Viết S sinh năm 1980 ở thôn 6 xã G, huyện X, tỉnh H (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên anh Mai Văn V em họ cùng thôn là người đứng tên hộ chủ xe thay cho anh S), thời hạn 01 tháng (kể từ ngày 27/3/2021 đến ngày 27/4/2021), giá thuê là 13.000.000đ/tháng, tiền thuê xe thanh toán theo hình thức chuyển khoản hoặc trực tiếp đưa tiền mặt vào cuối tháng (hợp đồng do anh Mai Văn V lập hộ, các bên ký và điểm chỉ).

Sau khi thuê được xe Th đã dùng xe sử dụng mục đích công việc cho đến ngày 19/4/2021, vì cần tiền trả nợ nên Th nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô thuê của anh S đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Th gọi điện thoại cho ông Mai Công H sinh năm 1963, ở tổ dân phố C, phường H, thị xã S, ông H không còn tiền nên giới thiệu và dẫn Th đến gặp anh Đặng Văn Ng sinh năm 1991 ở thôn P, xã T, huyện X, tỉnh H làm gara sửa xe ô tô tại Tiểu khu 2, phường H, thị xã S.

Theo lời khai của Th thì vào ngày 19/4/2021 khi gặp Ng thì Th nói với Ng “Anh có chiếc xe mượn của thằng em gần nhà đi lâu nay, chú cho anh vay mấy chục, anh để xe này lại làm tin” và đưa giấy tờ xe cho Ng xem. Xem xong Ng hỏi Th “Đây là xe của ai”, Th nói “Đây là xe anh mượn của thằng em đi lâu nay rồi, chú cho anh mượn mấy chục anh để xe lại vài hôm lấy ra”, Ng hỏi Th “Anh vay nhiều không”, Th trả lời “Anh vay 70 triệu”, Ng đồng ý và đưa cho Th vay số tiền là 70 triệu đồng, Th cầm tiền và để lại chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ xe cho Ng.

Theo lời khai của Ng thì khi gặp Th, Th nói “Giờ anh đang cần ít tiền lo công việc anh có cái xe ô tô này, anh mới mua lại của thằng em gần nhà chưa kịp sang tên, anh để lại làm tin, em cho anh vay ít tiền” và đưa giấy tờ xe cùng chứng minh nhân dân cho Ng xem. Xem xong Ng hỏi “Xe anh chưa sang tên à”, Th trả lời “Xe anh mua của thằng em gần nhà, mới mua chưa kịp sang tên”. Do cần xe đi lại nên Ng đồng ý cho Th vay số tiền là 70 triệu đồng, Th viết giấy vay tiền hạn 01 tháng sau (từ ngày 19/4/2021 đến ngày 19/5/2021) sẽ đến trả tiền và lấy lại xe.

Sau khi nhận được số tiền 70 triệu đồng của Ng, Th mang đi trả nợ và đầu tư tiền ảo trên mạng hết, không đủ khả năng trả nợ nên ngày 22/4/2021, Th tiếp tục gọi điện thoại cho ông H nhờ ông H gọi điện cho Ng đến nhà ông H và hỏi vay thêm 50 triệu nữa thì Ng đồng ý và nói với Th “Giờ số tiền vay lớn (120 triệu), anh viết cho em 01 giấy bán xe, nếu sau 01 tháng anh mang đủ tiền đến trả thì lấy xe về, nếu không đến coi như xe anh đã bán cho em”. Th đồng ý và viết 01 giấy bán xe cho Ng. Số tiền 50 triệu Ng đưa, Th mang đi trả nợ, đầu tư chơi tiền ảo trên mạng và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi hết thời hạn thuê xe (ngày 27/4/2021), anh Nguyễn Viết S không thấy Th mang xe đến trả nên anh S gọi điện cho Th nhưng không liên lạc được, lên nhà Th tìm gặp nhưng Th đã bỏ đi khỏi địa phương. Qua định vị của xe và tìm hiểu anh S biết được ngày 22/4/2021 Th đã bán chiếc xe ô tô KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 của anh cho anh Ng nên ngày 23/5/2021 anh đã đến cơ quan Công an huyện Quảng Xương để trình báo. Quá trình điều tra ngày 02/6/2021 anh Ng đã tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 cho Công an huyện Quảng Xương.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/UBND-HĐĐGTS ngày 10/6/2021, của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Quảng Xương kết luận: Chiếc xe ô tô KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngày 25/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trả lại chiếc xe ô tô KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 cùng giấy tờ xe cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Viết S, anh S nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm.

Đầu tháng 6/2021, Th đã trả cho anh Đặng Văn Ng 60.000.000đ còn nợ lại 60.000.000đ, anh Ng yêu cầu Th phải tiếp tục trả số tiền 60.000.000đ cho anh Ng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ chứng minh về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Đặng Văn Ng nên không xem xét xử lý.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 77/CTr-VKSQX ngày 07/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Ngọc Th về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 3 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Th từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giam là ngày 21 tháng 6 năm 2021.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo Lê Ngọc Th phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn Ng số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội phạm:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Ngày 27/3/2021 Lê Ngọc Th thuê xe ô tô tự lái nhãn hiệu KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 của anh Nguyễn Viết S bằng hợp đồng thuê xe. Đến ngày 19/4/2021 vì cần tiền nên Th đã mang chiếc ô tô đi cầm cố cho anh Đặng Văn Ng với số tiền là 70.000.000đ, Th trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, thì đến ngày 22/4/2021 Thiện tiếp tục vay 50.000.000đ (tổng 2 lần vay là 120.000.000đ) và viết giấy bán xe hẹn đến ngày 19/5/2021 sẽ trả tiền, nếu đến ngày đó không trả được thì coi như đã bán xe ô tô cho anh Ng, sau khi vay được tiền Thiện đã tiêu xài cá nhân hết số tiền, rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Chiếc xe ô tô được định giá là 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Ngọc Th phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 BLHS.

[3] *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm:* Bị cáo phạm tội thuộc tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội và trên địa bàn, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân; bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp.

[4] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

+ Về nhân thân: Bị cáo lần đầu phạm tội, không có tiền án, tiền sự.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, bố đê là người được hưởng chế độ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cần phải xử phạt tù để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ chứng minh về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Đặng Văn Ng nên không xem xét xử lý, căn cứ theo hồ sơ vụ án HĐXX xét thấy là phù hợp.

[5] *Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:*

Anh Nguyễn Viết S đã nhận lại chiếc xe ô tô KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 cùng giấy tờ xe, anh S không có ý kiến gì cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, việc không yêu cầu bị cáo bồi thường của bị hại là sự tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chấp nhận việc bị cáo đã trả cho anh Đặng Văn Ng số tiền là 60.000.000đ, anh Đặng Văn Ng yêu cầu bị cáo phải tiếp tục trả cho anh số tiền còn lại là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Cần buộc bị cáo Lê Ngọc Th tiếp tục trả cho anh Đặng Văn Ng số tiền còn lại 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung.* Bị cáo là người lao động tự do nên không cấm hành nghề, gia đình hoàn cảnh khó khăn được UBND xã xác nhận là đúng thực tế nên không áp dụng hình phạt tiền, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:*

Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trả lại chiếc xe ô tô KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 cùng giấy tờ xe cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Viết S, anh S nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX miễn xét.

[8] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Lê Ngọc Th phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo: Lê Ngọc Th 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giam là ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 589 BLDS 2015.

Bị hại tự nguyện không yêu cầu bồi thường, không buộc bị cáo bồi thường gì thêm cho bị hại.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Th phải tiếp tục trả cho anh Đặng Văn Ngọc số tiền còn lại là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Đặng Văn Ng có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) hàng tháng buộc phải thi hành án, còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trả lại chiếc xe ô tô KIA Forte, màu bạc, BKS 36A-524.31 cùng giấy tờ xe cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Viết S, anh S nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo: Lê Ngọc Th phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000đ (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 10 năm 2021).

Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Giao, Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Xương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đại Long